



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 05-10-2026 16:44:42 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **157** /2026/TT-BQP

Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định phân cấp thẩm quyền trong xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định phân cấp thẩm quyền trong xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, gồm:

a) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng; tài

sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động (*nếu có*) quy định tại điểm a khoản 3 Điều 105 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

b) Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP) theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu; tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 6 Điều 3, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

d) Trách nhiệm lập phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân, phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân, phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

đ) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

e) Quy định tỷ lệ (*mức*) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

2. Những nội dung về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng không được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc

phòng quản lý được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Cơ quan được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ làm đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với tài sản công.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng được phân cấp quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Thông tư này bao gồm:* Bộ Tổng Tham mưu; Tổng cục Chính trị và các Tổng cục; Quân khu; Quân đoàn; Quân chủng; Binh chủng; Binh đoàn; các Bộ Tư lệnh: Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Lãng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội, 86, Pháo binh - Tên lửa; Ban Cơ yếu Chính phủ; Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga; Học viện, Nhà trường, Bệnh viện, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Quốc phòng.

2. *Đơn vị chủ trì quản lý tài sản* là các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; tuân thủ sự lãnh đạo theo quy chế lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Bảo đảm tính công khai, minh bạch; tuân thủ quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và Nghị định số 127/2025/NĐ-CP.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 5. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý được Bộ Quốc phòng giao tiếp nhận tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng và tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng theo cam kết sau khi

kết thúc thời gian hoạt động (nếu có) quy định tại điểm a khoản 3 Điều 105 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, việc xác định đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, điểm a và b khoản 7, khoản 9 Điều 5 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng

Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP) như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 111/2021/TT-BQP ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 104/2026/TT-BQP ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao, điều chuyển giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

b) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 6 Thông tư này là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản.

b) Trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được áp dụng theo thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với từng loại tài sản quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Chương III **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN**

Điều 8. Trách nhiệm lập phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân và phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Pháp chế Bộ Quốc phòng và cơ quan, đơn vị liên quan lập phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân và phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với trường hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt phương án.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân và phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này trình lên cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên đến cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án.

Điều 9. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân và phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định này) thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP và trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP và trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà

nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP và trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT thực hiện theo quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 66 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và Điều 17 Thông tư số 111/2021/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 104/2026/TT-BQP.

5. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát quyết định tịch thu thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

6. Ngoài trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này, việc tổ chức thực hiện lập, phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị quyết định phê duyệt phương án.

7. Mẫu đề xuất phương án; phương án; quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân; quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản thực hiện theo các Mẫu (từ Mẫu số 01-QĐXL đến Mẫu số 07-BBGN) ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 10. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thu, nộp tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tiền thu được từ xử lý tài sản; đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản từ tài khoản của đơn vị vào tài khoản tạm giữ của Bộ Quốc phòng mở tại Kho bạc Nhà nước do Cục Tài chính Bộ Quốc phòng làm chủ tài khoản. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng có trách nhiệm gửi thông tin kịp thời về tài khoản tạm giữ cho các đơn vị, doanh nghiệp.

Trường hợp áp dụng tỷ lệ (*mức*) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại Điều 11 Thông tư này thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản nộp số tiền còn lại (toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản trừ số tiền khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản) từ tài khoản của đơn vị vào tài khoản

tạm giữ của Bộ Quốc phòng mở tại Kho bạc Nhà nước do Cục Tài chính Bộ Quốc phòng làm chủ tài khoản.

2. Lập dự toán chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

a) Nội dung chi phí và mức chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 98, Điều 99 và Điều 100 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

b) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản quy định tại điểm a khoản này theo đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí đề nghị thanh toán.

3. Trình tự, thủ tục thanh toán chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản từ các khoản thu đơn vị, doanh nghiệp đã nộp vào tài khoản tạm giữ

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp tiền vào tài khoản tạm giữ, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng có văn bản gửi Cục Tài chính Bộ Quốc phòng đề nghị chi trả chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời gian gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Quá thời hạn trên, đơn vị chủ trì quản lý tài sản không gửi văn bản đề nghị thanh toán chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản thì coi như không có chi phí xử lý, Cục Tài chính Bộ Quốc phòng thực hiện nộp toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản phải xử lý tài sản của nhiều vụ việc phát sinh thường xuyên, cần thiết tổng hợp chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản của nhiều vụ việc để thanh toán định kỳ thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản phải báo cáo, đề xuất và được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ trong phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện tổng hợp chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản của nhiều vụ việc để thanh toán định kỳ nhưng không quá 03 tháng/lần.

b) Văn bản đề nghị thanh toán chi phí phải nêu rõ số tiền thu được từ xử lý tài sản, tổng chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản, thông tin về tài khoản đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước để tiếp nhận thanh toán kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi. Trường hợp tổng hợp chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản của nhiều vụ việc, văn bản đề nghị thanh toán phải nêu chi tiết số tiền thu được từ xử lý tài sản và chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản của từng vụ việc.

4. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) số tiền thu được từ xử lý tài sản sau khi đã hoàn thành việc thanh

toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí hoặc đã quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày đơn vị chủ trì quản lý tài sản nộp tiền vào tài khoản tạm giữ nhưng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng không nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hoặc văn bản đề nghị gia hạn thanh toán hoặc văn bản xác nhận không phát sinh chi phí.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí hoặc không phát sinh nguồn thu từ việc xử lý tài sản thì phần còn thiếu được xử lý như sau:

a) Được chi từ dự toán ngân sách nhà nước (kể cả giao bổ sung) theo trình tự, thủ tục lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng.

b) Chi từ nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) được phép sử dụng của đơn vị chủ trì quản lý tài sản theo quy định tại Điều lệ công tác Tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 11. Tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Việc thanh toán các khoản chi phí được thực hiện theo nội dung chi, mức chi thực tế hợp lý, hợp lệ của từng vụ việc. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, đơn vị chủ trì quản lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được lựa chọn tỷ lệ (mức) khoán chi quy định tại khoản 2 Điều này để thanh toán các khoản chi phí theo nội dung chi, mức chi thực tế, hợp lý, hợp lệ của từng vụ việc (không chỉ vượt mức khoán chi), không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh toán chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản phải đề xuất và được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt trong phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng không vượt quá 40% số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản tập hợp chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản, chứng từ chi tiêu theo quy định tại Thông tư này, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP và pháp luật liên quan. Trường hợp không sử dụng hết kinh phí khoán thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản phải nộp về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Tài chính Bộ Quốc phòng

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện việc xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản khác có liên quan.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thẩm định hồ sơ đối với thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 7 Thông tư này và Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp về các khoản thu và chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tổng hợp kết quả thu, chi và quản lý tài chính liên quan đến việc quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Tổng hợp, báo cáo về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Cục Pháp chế Bộ Quốc phòng

Phối hợp với Cục Tài chính Bộ Quốc phòng và các cơ quan thẩm định hồ sơ đối với thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 7 Thông tư này và Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP; kiểm tra các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về trình tự, thủ tục xác lập và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về những nội dung được phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo đúng quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch. Kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) đối với những vấn đề vượt thẩm quyền và những vấn đề vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng, quản lý, tổ chức thi hành pháp luật trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi, lĩnh vực đảm nhiệm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về chất lượng công tác quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

3. Chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc quyền trong việc chấp hành các quy định về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP; các quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

4. Thực hiện việc thu nộp, quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo đúng chế độ quy định.

5. Định kỳ, đột xuất thực hiện chế độ báo cáo tình hình, kết quả về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng

Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành và xử lý các vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản khác có liên quan.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP mà chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Thông tư này xem xét, quyết định.
2. Đối với tài sản đã có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân của cấp có thẩm quyền trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thì việc xử lý thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
3. Đối với các tài sản đã có Quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa hoàn thành việc xử lý thì các công việc chưa thực hiện được thực hiện theo quy định tại Thông tư này và Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.
4. Đối với các trường hợp đã nộp số tiền thu được từ xử lý tài sản vào tài khoản tạm giữ của Cục Tài chính Bộ Quốc phòng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện việc thanh toán chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tài sản thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng có văn bản gửi Cục Tài chính Bộ Quốc phòng để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Người đứng đầu đơn vị chủ trì quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Quốc phòng về việc chậm gửi hồ sơ, văn bản và tính chính xác của các khoản chi đề nghị thanh toán. Quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chủ tài khoản tạm giữ không nhận

được hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hoặc văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản thì Cục Tài chính Bộ Quốc phòng nộp ngân sách nhà nước số tiền thu được từ xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Các Thủ trưởng BQP, CN TCCT;
- Các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Thanh tra BQP, Kiểm toán BQP;
- Tòa án QSTW; Viện Kiểm soát QSTW;
- Cục Thi hành án/BQP;
- C41; C79; C87;
- Lưu: VT, THBĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Quang Ngọc